

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16-4-2024

V/v: Ly hôn giữa ông A và
bà N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trung Thành

Bà Phạm Hồng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 197/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Mai Văn A, sinh năm 1970; địa chỉ: xóm A (xóm B cũ), xã T, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm 1975; địa chỉ: xóm A (xóm B cũ), xã T, huyện N, tỉnh Nam Định.

(Ông A và bà N đều vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/12/2023 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn ông Mai Văn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông Mai Văn A và bà Phan Thị N đăng ký kết hôn ngày 04/9/1992 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, từ năm 1992 vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do từ tháng 4/2018 ông A phát hiện bà N có tình cảm với

người khác nên từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Mặc dù ở chung nhà nhưng vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2018 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi trách nhiệm với nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nữa nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Mai Văn Đ, sinh ngày 17/4/1993 và Mai Ngọc K, sinh ngày 18/7/1995. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của bị đơn bà Phan Thị N có lời khai phù hợp với lời khai của ông Mai Văn A về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và thời gian vợ chồng mâu thuẫn. Theo bà N, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông A chơi bời cờ bạc và có tình cảm với người phụ nữ khác. Bà đã khuyên bảo nhiều lần để vợ chồng nuôi dạy con cái nhưng ông A không thay đổi. Mặc dù ở chung nhà nhưng vợ chồng không quan tâm đến nhau và không có trách nhiệm với nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 11/2023 đến nay. Nay ông A nộp đơn xin ly hôn, bà không nhất trí ly hôn vì bà muốn để lo cho con đến tuổi xây dựng gia đình có bố có mẹ. Trường hợp ông Mai Văn A quyết tâm xin ly hôn bà N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Bà N thống nhất với lời khai của ông anh vợ chồng có hai con chung là Mai Văn Đ, sinh ngày 17/4/1993 và Mai Ngọc K, sinh ngày 18/7/1995. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Vợ chồng có thửa đất diện tích 475 m² trên đất có một nhà mái bằng một tầng 60 m². Nguồn gốc nhà đất do vợ chồng mua từ năm 1993, đến năm 1999 nhà cũ phá đi để xây nhà mới hiện đang sử dụng, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Mai Văn A. Nếu ly hôn nhà đất này sẽ tặng cho hai con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 04/4/2024 bà N có đơn trình bày khi ly hôn toàn bộ nhà đất trên vợ chồng tự thỏa thuận tặng cho lại cho hai con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông A và bà N có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa ông Mai Văn A và bà Phan Thị N

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Mai Văn Đ, sinh ngày 17/4/1993 và Mai Ngọc K, sinh ngày 18/7/1995. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành. Ông anh bà N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung nghĩa vụ tài sản chung: ông A và bà N không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: ông Mai Văn A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Mai Văn A và bà Phan Thị N đều có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh A và chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa ông Mai Văn A và bà Phan Thị N là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 04/9/1992. Quá trình chung sống, giữa bà N và ông A phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn vợ chồng giữa ông A và bà N là có thật. Theo ông A vợ chồng chung sống không hòa thuận, hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ tháng 4/2018 đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho ông được ly hôn với bà N. Theo bà N vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do ông A chơi bời cờ bạc và có tình cảm với người phụ nữ khác, bà đã khuyên bảo nhiều lần để vợ chồng nuôi dạy con cái nhưng ông A không thay đổi. Vợ chồng ở chung nhà nhưng không quan tâm và không có trách nhiệm với nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 11/2023 đến nay. Nay ông A xin ly hôn, bà N không nhất trí ly hôn. Trong thời gian vợ chồng ly thân bản thân bà N cũng như ông A không có biện pháp, hành động thiết thực nào nhằm hàn gắn tình cảm để cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Mặt khác, bà N có ý kiến, trường hợp ông Mai Văn A quyết tâm xin ly hôn bà N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Từ những phân tích trên xác định mâu thuẫn giữa ông A và bà N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông A, cho ông Mai Văn A được ly hôn bà Phan Thị N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là Mai Văn Đ, sinh ngày 17/4/1993 và Mai Ngọc K, sinh ngày 18/7/1995. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành. Ông A và bà N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: ông A và bà N xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận.

[5] *Về nghĩa vụ tài sản chung*: ông A và bà N xác nhận vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Mai Văn A phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa ông Mai Văn A và bà Phan Thị N.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Mai Văn A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0004942 ngày 28/12/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực. Ông A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tân Thịnh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Lê Trung Thành Phạm
Hong Minh**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tân Thịnh;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy

Nga